

Số: 265 /ĐHBK-CTCT-SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2011

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ.....	hcrnk
Ngày 01/10/11	THSV
Chức vụ 10/10/11	CTCT

Kính gửi: Ban Chủ nhiệm các khoa

## HƯỚNG DẪN VỀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ CHO SINH VIÊN TỪ NĂM HỌC 2010 - 2011 ĐẾN NĂM HỌC 2014 - 2015

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm 2014 – 2015;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của Liên bộ Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh – Xã hội Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010 – 2011 đến năm 2014 – 2015.

Phòng Công tác Chính trị - Sinh viên hướng dẫn thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho sinh viên từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2014 – 2015 như sau:

### I. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ:

- 1. Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng** theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005. Cụ thể:
  - Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong kháng chiến; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B (sau đây gọi chung là thương binh);
  - Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến trước Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh, con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
- 2. Sinh viên có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.** Việc xác định xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành. Cụ thể:  
*(Sinh viên tham khảo các quyết định sau tại trang web của P.CTCT-SV: <http://www.ctct.hcmut.edu.vn/> Công tác sinh viên/ Miễn giảm học phí)*
  - Xã **vùng cao** theo quy định tại các Quyết định dưới đây:
    - Quyết định số 21/QĐ-UB ngày 26/01/1993 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi về việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao;
    - Quyết định số 33/QĐ-UB ngày 04/6/1993 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi về việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao;

*Thư*

- Quyết định số 08/QĐ-UB ngày 04/3/1994 của Ủy ban Dân tộc và Miền việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao;
  - Quyết định số 64/QĐ-UB ngày 26/8/1995 của Ủy ban Dân tộc và Miền việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao;
  - Quyết định số 68/QĐ-UB ngày 09/3/1997 của Ủy ban Dân tộc và Miền việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao;
  - Quyết định số 42/QĐ-UB ngày 23/5/1997 của Ủy ban Dân tộc và Miền việc công nhận các 3 khu vực miền núi, vùng cao;
  - Quyết định số 26/QĐ-UB ngày 18/3/1998 của Ủy ban Dân tộc và Miền việc công nhận các 3 khu vực miền núi, vùng cao;
  - Quyết định số 363/2005/QĐ-UBND ngày 07/7/2006 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi về việc công nhận các xã, huyện tỉnh là miền núi, vùng cao;
  - Quyết định số 01/UB-QĐ ngày 26/8/1995 của Ủy ban Dân tộc và Miền núi việc công nhận các xã, huyện, tỉnh là miền núi, vùng cao;
  - Quyết định số 01/2007/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc công nhận các xã, huyện là miền núi, vùng cao do điều chỉnh địa giới hành chính
  - Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 12/03/2009 của Ủy ban Dân tộc về việc công nhận các xã, huyện là miền núi, vùng cao do điều chỉnh địa giới hành chính.
- **Xã hải đảo** theo quy định tại các Quyết định dưới đây:
- Quyết định số 106/2004/QĐ-TTg ngày 11/6/2004 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;
  - Quyết định số 113/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã hoàn thành mục tiêu Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa giai đoạn 1999 - 2005, bổ sung các xã, thôn, bản vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II và xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo vào diện đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010
- **Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn** theo quy định tại các Quyết định dưới đây:
- Quyết định số 106/2004/QĐ-TTg ngày 11/6/2004 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo;
  - Quyết định số 164/2006/QĐ-TTg ngày 11/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010 (Chương trình 135 giai đoạn II)
  - Quyết định số 113/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã hoàn thành mục tiêu Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới và vùng sâu, vùng xa giai đoạn 1999 - 2005, bổ sung các xã, thôn, bản vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II và xã vùng bãi ngang ven biển và hải đảo vào diện đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010;
  - Quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 6/9/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển;

*Thuan*  
\_\_\_\_\_

- Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 11/01/2008 của Ủy ban Dân tộc v/v phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II vào diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;
  - Quyết định số 69/2008/QĐ-TTg về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;
  - Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.
- 3. Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa hoặc bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.** Cụ thể:
- Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa;
  - Sinh viên bị tàn tật có khó khăn về kinh tế theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 116/2004/NĐ-CP ngày 23/4/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật Lao động về lao động người tàn tật. Việc xác định đối tượng có khó khăn về kinh tế áp dụng theo Thông tư số 27/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2007 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình xác nhận các đối tượng được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.
- 4. Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo.** Việc xác định hộ có thu nhập tối đa bằng 150% thu nhập của hộ nghèo áp dụng theo Thông tư số 27/2007/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2007 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình xác nhận đối tượng được vay vốn theo Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên.

## II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM HỌC PHÍ:

- 1. Các đối tượng được giảm 70% học phí gồm: sinh viên các chuyên ngành, nghề nặng nhọc, độc hại.** Chuyên ngành, nghề nặng nhọc, độc hại theo quy định tại các Quyết định dưới đây:
- Quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
  - Quyết định số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
  - Quyết định số 1629/LĐTBXH-QĐ ngày 26/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
  - Quyết định số 190/1999/QĐ-LĐTBXH ngày 03/3/1999 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời các danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

*Unnu*  
3

- Quyết định số 1580/2000/QĐ-LĐTBXH ngày 26/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;
- Quyết định số 1152/2003/QĐ-LĐTBXH ngày 18/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành tạm thời danh mục nghề, công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

2. Các đối tượng được giảm 50% học phí gồm: Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

### III. CẤP TRỰC TIẾP TIỀN HỖ TRỢ MGHP CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MGHP:

#### 1. Trình tự, thủ tục và hồ sơ:

a. SV xem các quyết định của nhà nước có liên quan (nêu tại mục I hướng dẫn này) để xác định đối tượng và mức miễn giảm học phí của mình.

b. Các sinh viên thuộc một trong các đối tượng kể trên, vào đầu học kỳ, sinh viên phải làm đơn đề nghị cấp tiền hỗ trợ MGHP (theo mẫu kèm theo) có xác nhận của trường gửi về P.LĐTB-XH cấp huyện kèm theo bản sao công chứng một trong các giấy tờ sau:

- Giấy xác nhận thuộc đối tượng người có công với cách mạng và người thân của họ được quy định tại khoản 1 Mục I văn bản hướng dẫn này do cơ quan quản lý đối tượng người có công với cách mạng và Ủy ban Nhân dân cấp xã xác nhận (theo quy định tại tiết a điểm 2.1 khoản 2 Mục III Thông tư liên tịch số 16/2006/TTLT/BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2006 của Bộ Lao động Thương binh – Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng).
- Sổ đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ gia đình đối với đối tượng sinh viên có cha mẹ thường trú tại các xã biên giới, vùng cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại khoản 2 Mục I văn bản hướng dẫn này;
- Bản sao Quyết định về việc trợ cấp xã hội của Chủ tịch UBND cấp huyện (Hiện nay theo mẫu số 5 Thông tư số 24/2010/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 18/8/2010 của Liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính) đối với đối tượng sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa; Giấy xác nhận của Bệnh viện quận, huyện, thị xã hoặc của Hội đồng xét duyệt xã, phường, thị trấn đối với đối tượng sinh viên bị tàn tật, khuyết tật có khó khăn về kinh tế.
- Giấy chứng nhận Hộ nghèo và hộ có thu nhập tối đa bằng 15% của Hộ nghèo do UBND cấp xã cấp cho đối tượng được quy định tại khoản 4 Mục I văn bản hướng dẫn này.
- Bản sao sổ hưởng trợ cấp hàng tháng do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động đối với đối tượng sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên được quy định tại Mục II văn bản hướng dẫn này.



- Giấy xác nhận ngành, nghề độc hại của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập cấp cho đối tượng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Thông tư này; (xác nhận tại Khoa).

**c. Sinh viên gửi đơn đề nghị cấp tiền hỗ trợ MGHP về P.CTCT-SV vào mỗi học kỳ,** khi có kết quả đăng ký môn học chính thức, để nhà trường xác nhận, sau đó sinh viên gửi về P.LĐTĐ-XH cấp huyện làm căn cứ xin cấp tiền hỗ trợ MGHP. Trình tự như sau:

- SV tải mẫu đơn trên website: <http://www.ctct.hcmut.edu.vn/> Công tác Sinh viên/ Biểu mẫu
- SV điền hết thông tin trong mẫu đơn theo hướng dẫn (đính kèm mẫu đơn trên website P.CTCT-SV)
- Xuất trình KQĐKMH chính thức (hoặc biên lai thu học phí) của học kỳ muốn xác nhận khi nộp đơn xin xác nhận tại P.CTCT-SV

**Thời gian tiếp nhận đơn: khi có KQĐKMH chính thức của mỗi học kỳ.**

**Lưu ý:** Nhà trường chỉ xác nhận cho SV hiện đang học tại học thời điểm xin xác nhận; chỉ xác nhận học phí của 2 học kỳ chính, không xác nhận học phí học kỳ hè và học kỳ dự thính.

**2. Phương thức chi trả:**

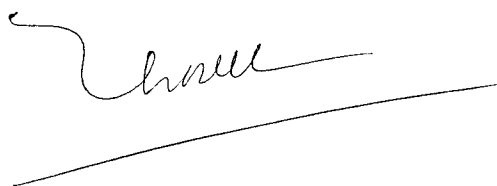
- P.LĐTĐ-XH chịu trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện chi trả bằng tiền mặt cho cha mẹ sinh viên chậm nhất trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp bù MGHP theo quy định.
- Tiền hỗ trợ MGHP được cấp như sau: cấp 10 tháng/ năm học theo kỳ hạn: Lần 1 cấp vào tháng 9 hoặc tháng 10 hằng năm; Lần 2 cấp vào tháng 3 hoặc tháng 4 hằng năm.

**3. Thời điểm được hưởng:** theo số tháng thực học kể từ ngày 01/07/2010.

P.CTCT-SV kính đề nghị Khoa hỗ trợ thông báo thông tin cho SV.

Trân trọng.

**TRƯỞNG PHÒNG CTCT-SV**



**Võ Tấn Thông**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- IUT, PFIEV;
- TTHTSV&VL;
- Lưu P.CTCT-SV.